

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 54, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hà Tuấn Anh	1	03	7,5	Bảy rưỡi	
2	Đinh Tuấn Anh	2	02	7,5	Bảy rưỡi	
3	Đặng Thị Lan Anh	3	48	7,5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Thị Lan Anh	4	37	8,0	Tám	
5	Nguyễn Tuấn Anh	5	50	7,0	Bảy	
6	Nguyễn Thị Bích	6	66	7,5	Bảy rưỡi	
7	Mai Ngọc Bình	7	75	7,0	Bảy	
8	Phạm Thái Bình	8	60	7,5	Bảy rưỡi	
9	Lê Bá Chức	9	71	7,0	Bảy	
10	Đỗ Hoàng Chung	10	43	7,0	Bảy	
11	Dương Văn Cường	11	53	8,0	Tám	
12	Nguyễn Mạnh Cường	12	58	7,0	Bảy	
13	Trần Ngọc Diệp	13	31	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Sóng Gió	14	38	8,0	Tám	
15	Đỗ Thái Hà	15	33	7,0	Bảy	
16	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	16	26	7,0	Bảy	
17	Bùi Thị Minh Hằng	17	52	7,0	Bảy	
18	Lê Trung Hiếu	18	44	7,0	Bảy	
19	Lê Văn Hiếu	19	79	7,0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	20	11	8,0	Tám	
21	Đặng Văn Hoan	21	19	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Chu Việt Hoàng	22	72	7,5	Bảy rưỡi	
23	Phạm Huy Hoàng	23	80	7,5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Thị Hồng	24	45	8,0	Tám	
25	Nguyễn Bích Huệ	25	54	7,0	Bảy	
26	Nguyễn Thị Huệ	26	12	8,0	Tám	
27	Dương Việt Hùng	27	41	7,5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Mạnh Hùng	28	73	7,0	Bảy	
29	Trần Văn Hùng	29	51	7,0	Bảy	
30	Nguyễn Tuấn Hùng	30	82	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Quốc Hưng	31	63	7,0	Bảy	
32	Lê Thị Thu Hương	32	65	7,5	Bảy rưỡi	
33	Tô Thị Lan Hương	33	83	7,5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Hương	34	08	8,0	Tám	
35	Nguyễn Thu Hường	35	16	8,0	Tám	
36	Nguyễn Thị Xuân Hường	36	04	7,0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Huyền	37	57	7,0	Bảy	
38	Nguyễn Thị Mai Linh	38	34	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Thùy Linh	39	25	7,0	Bảy	
40	Nguyễn Quang Linh	40	78	7,0	Bảy	
41	Hoàng Thị Mai Loan	41	59	8,5	Tám rưỡi	
42	Đàm Thị Yến Ly	42	67	8,5	Tám rưỡi	
43	Đàm Thanh Mai	43	76	8,0	Tám	
44	Bùi Thị Mến	44	42	7,5	Bảy rưỡi	
45	Hoàng Thị Ngọc Mỹ	45	09	8,0	Tám	
46	Khổng Hoàng Nam	46	47	7,0	Bảy	
47	Phạm Thị Hồng Nghi	47	69	7,0	Bảy	
48	Hoàng Ngọc	48	29	7,0	Bảy	
49	Hoàng Thị Thảo Nguyên	49	27	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
50	Lê Thanh Nguyên	50	81	6,5	Sáu rưỡi	
51	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	51	21	8,0	Tám	
52	Cao Thị Thanh Phương	52	32	8,0	Tám	
53	Nguyễn Văn Quyền	53	24	7,0	Bảy	
54	Hoàng Thị Quỳnh	54	01	8,0	Tám	
55	Phạm Thị Tâm	55	35	8,0	Tám	
56	Hà Đức Tân	56	23	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lưu Hồng Thái	57	-	-	-	Không đủ ĐKDT
58	Hoàng Thị Thanh	58	61	7,0	Bảy	
59	Ngô Thị Thảo	59	39	7,5	Bảy rưỡi	
60	Ngô Thu Thảo	60	-	-	-	Không đủ ĐKDT
61	Nguyễn Thị Phương Thảo-1981	61	70	7,0	Bảy	
62	Nguyễn Thị Phương Thảo	62	28	7,5	Bảy rưỡi	
63	Phạm Đình Thiết	63	17	7,0	Bảy	
64	Dương Hữu Thuận	64	18	7,0	Bảy	
65	Bạch Hương Thủy	65	07	8,0	Tám	
66	Nguyễn Thị Thu Thủy	66	40	7,0	Bảy	
67	Tơ Thị Thủy	67	15	7,0	Bảy	
68	Trần Anh Tiến	68	20	8,0	Tám	
69	Ngô Thị Huyền Trang	69	64	8,0	Tám	
70	Triệu Quốc Tráng	70	62	7,0	Bảy	
71	Dương Quốc Trường	71	30	8,0	Tám	
72	Dương Minh Tuấn	72	55	7,0	Bảy	
73	Nguyễn Mạnh Tuấn	73	77	7,0	Bảy	
74	Nguyễn Anh Tuấn-1980	74	13	7,0	Bảy	
75	Nguyễn Anh Tuấn-1983	75	22	7,5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Anh Tuấn-1974	76	10	7,5	Bảy rưỡi	
77	Nguyễn Văn Tuấn-1980	77	46	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
78	Nguyễn Văn Tuấn-1977	78	36	7,0	Bảy	
79	Trần Thị Tuyết	79	49	7,0	Bảy	
80	Phạm Thị Út	80	74	7,0	Bảy	
81	Hoàng Thị Uyên	81	56	7,0	Bảy	
82	Dương Xuân Vinh	82	05	8,0	Tám	
83	Nguyễn Thành Vũ	83	68	8,0	Tám	
84	Phan Thị Thanh Xuân	84	14	7,5	Bảy rưỡi	
85	Nguyễn Kiến Thọ	85	06	8,0	Tám	P.IV-K53KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên